

Bản án số: 1098/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 25-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07/10/2019 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 1027/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5199/2019/QĐ-PT ngày 28/10/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9976/2019/QĐ-PT ngày 19/11/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1983

Địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đỗ Ngọc T – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Cao Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ : phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Cao Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Cao Văn Q kết hôn năm 2011, giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B cấp ngày 06/10/2011. Mâu thuẫn xảy ra năm 2018 do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, thường hay cãi nhau, ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác và còn bạo hành đánh bà T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Thị Phương T1, sinh ngày 08/7/2012.

- Về tài sản chung: Hai bên tự giải quyết, không tranh chấp.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Q. Về con chung bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu T1, phần cấp dưỡng nuôi con ông Q có trách nhiệm đóng góp tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Bị đơn ông Cao Văn Q trình bày:

Ông Q xác nhận thời gian kết hôn, chung sống, con chung, tài sản chung như bà T trình bày. Về mâu thuẫn ông Q xác nhận xảy ra vào năm 2018, do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường hay cãi nhau, ông Q thừa nhận sai là ông có đánh bà T. Ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Về con chung ông Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu T1, phần cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu bà T đóng góp.

Ngày 17/6/2019, Tòa án nhân dân Quận B lập biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Bà T và ông Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn. Về con chung ông Q đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, phần cấp dưỡng nuôi con ông Q có trách nhiệm đóng góp tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có.

Ngày 20/6/2019 ông Q làm đơn thay đổi ý kiến, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không đồng ý giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng vì ông Q cho rằng bà T không có nơi ở ổn định và không đủ khả năng về kinh tế để nuôi cháu T1.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 1027/2019/HNGĐ-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1; các Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

năm 2015; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Cao Văn Q thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung có 01 cháu: Cao Thị Phương T, sinh ngày 08/7/2012. Giao bà Nguyễn Thị Mộng T được quyền trực tiếp nuôi cháu T1, phần cấp dưỡng nuôi con ông Q có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, được tính từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu T1 đủ tuổi trưởng thành. Đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông Cao Văn Q không thực hiện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Q còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Ông Cao Văn Q có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà T và ông Q cùng xác nhận không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 23/8/2019, bị đơn ông Cao Văn Q làm đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, giao con chung tên Cao Thị Phương T cho ông Q nuôi dưỡng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Cao Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm bởi các lý do sau:

- Về điều kiện kinh tế bà T có mức thu nhập ổn định.

- Về chỗ ở bà T đã thuê căn hộ gần trường nên thuận tiện cho việc đưa đón cháu T1 đến trường. Bà T hoàn toàn có đủ thời gian để chăm sóc cháu T1, mặt

khác cháu T1 là con gái đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện nhân cách nên cần có mẹ bên cạnh.

- Nguyên vọng cháu T1 mong muốn được ở với mẹ, việc xem xét ý kiến của con là quan trọng thể hiện tâm tư nguyện vọng của con, Cháu T1 có ý kiến muốn sống chung với mẹ là chính đáng.

- Về cấp dưỡng nuôi con căn cứ Điều 82; Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ các lý do nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Q làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa hôm nay nhận thấy bà T và ông Q đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tại các văn bản ghi nhận ý kiến của cháu T1 đều thể hiện nguyện vọng của cháu muốn sống chung với mẹ. Tuy nhiên việc giao con cho cha hoặc mẹ nuôi đều phải xem xét đến lợi ích của con và nguyện vọng của trẻ. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm quyết định giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng là có căn cứ. Với các nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin kháng cáo của ông Q, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Cao Văn Q kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung. Xét đơn kháng cáo của ông Q làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông Cao Văn Q và bà Nguyễn Thị Mộng T đều thuận tình ly hôn và đương sự không kháng cáo về phần này nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo về việc nuôi con:

Hội đồng xét xử xét thấy đối với con chung ông Cao Văn Q và bà Nguyễn Thị Mộng T đều yêu thương con và cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ và cũng phải xem xét đến nguyện vọng của trẻ để tránh cho trẻ không bị ảnh hưởng đến tâm sinh lý sau khi cha mẹ ly hôn.

Xét điều kiện sinh hoạt, mức thu nhập hàng tháng, công việc làm và hoàn cảnh thực tế của mỗi bên thì ông Q và bà T đều có điều kiện tốt để đảm bảo cuộc sống cho con. Tuy nhiên, qua tham khảo ý kiến của cháu T1 tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 24/7/2019 và biên bản làm việc ngày 20/11/2019 cháu T1 đều có nguyện vọng thiết tha được sống cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng mong muốn của cháu T1 nên thiết nghĩ giao cháu Cao Thị Phương T1 cho bà Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, y án sơ thẩm là có cơ sở.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[6] Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84
Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn Q.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1027/2019/HNGĐ-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T.
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Cao Văn Q thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Cao Thị Phương T1, sinh ngày 08/7/2012 cho bà Nguyễn Thị Mộng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con ông Q có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, được tính từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu T1 đủ tuổi trưởng thành. Đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông Cao Văn Q không thực hiện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Q còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Ông Cao Văn Q có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà T và ông Q cùng xác nhận không có. Tòa không xét.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Mộng T chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0013654 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, ông Cao Văn Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Cao Văn Q chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0008466 ngày

27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận B, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên